TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TAM DƯƠNG** **TỈNH VĨNH PHÚC**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 16/2023/QĐST-DS	*Tam Dương, ngày 29 tháng 8 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TAM DƯƠNG, TỈNH VĨNH PHÚC

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Lê Minh Hoàng

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Hoàng Thị Hanh và bà Trần Thị Kim Duyên

Căn cứ vào các Điều 147, 212, 213, 235 và 246 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 463, 466 của Bộ luật dân sự; các Điều 91, 95, 98 Luật các tổ chức tín dụng; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án;

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 18/2023/TLST-DS ngày 27 tháng 3 năm 2023.

XÉT THẤY:

Tại phiên tòa các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án và thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP C. Địa chỉ: Số 1..., đường T, quận H, thành phố Hà Nội. Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Minh B - Chủ tịch Hội đồng Quản trị Ngân hàng TMCP C. Người đại theo uỷ quyền: Ông Trần Quang T - Phó Giám đốc Ngân hàng TMCP C - Chi nhánh B (có mặt)

- Bị đơn: Anh Vũ Đình H, sinh năm 1984 và chị Trần Thị L, sinh năm 1986, cùng địa chỉ: Thôn V, xã V, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc (anh H có mặt, chị L vắng mặt)

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Vũ Đình H1, sinh năm 1956, bà Trần Thị S, sinh năm 1959, anh Vũ Đình Ki, sinh năm 1979, chị Hà Thị H2, sinh năm 1987, cùng địa chỉ: Thôn V, xã V, huyện T, Vĩnh Phúc (đều vắng mặt)

Người đại diện theo ủy quyền của chị Trần Thị L, ông Vũ Đình H1, bà Trần Thị S, anh Vũ Đình K, chị Hà Thị H2: Anh Vũ Đình H, sinh năm 1984, địa chỉ: Thôn V, xã Vi, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc (có mặt)

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Các đương sự cùng thừa nhận các hợp đồng cho vay gồm: Hợp đồng cho

vay số 18.35.0040/2018-HĐCV/NHCT262 ngày 10/4/2018, Hợp đồng cho vay số 19.35.0058/2019-HĐCV/NHCT262 ngày 06/5/2019, Hợp đồng cho vay số 20.35.0346/2020-HĐCV/NHCT262 ngày 25/6/2020 ký kết giữa Ngân hàng TMCP C với anh Vũ Đình H, chị Trần Thị L và Hợp đồng thế chấp số 18.35.0040/2018/HĐBĐ/NHCT262 ngày 10/4/2018 (kèm theo là văn bản số 22.67.057/2022/HĐBĐ/NHCT262 về việc sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chấp) ký kết giữa Ngân hàng TMCP C với anh Vũ Đình H, chị Trần Thị L, ông Vũ Đình H1, bà Trần Thị S, anh Vũ Đình K, chị Hà Thị H2 là có hiệu lực. Đối với tài sản thế chấp của các khoản vay, trước thời điểm thế chấp, tại thời điểm thế chấp, trong thời gian thế chấp và tính đến nay thì tài sản thế chấp không có tranh chấp gì, không được chủ sở hữu/chủ sử dụng mua bán, chuyển nhượng, tặng cho người khác, không hứa hẹn mua bán, chuyển nhượng, tặng cho người khác hoặc không có giao dịch dịch gì khác về tài sản thế chấp.

2.2. Tính đến ngày 29/8/2023, anh Vũ Đình H và chị Trần Thị L còn nợ Ngân hàng TMCP C tổng số tiền là 2.747.893.436đồng, trong đó nợ gốc là 2.450.000.000đồng, nợ lãi là 297.893.436đồng. Cụ thể:

- Theo Hợp đồng cho vay số 18.35.0040/2018-HĐCV/NHCT262 ngày 10/4/2018 giữa Ngân hàng TMCP C với anh Vũ Đình H, chị Trần Thị L thì anh H, chị L còn nợ Ngân hàng số tiền nợ gốc là 600.000.000đồng và nợ lãi là 72.964.930đồng.

- Theo Hợp đồng cho vay số 19.35.0058/2019-HĐCV/NHCT262 ngày 06/5/2019 giữa Ngân hàng TMCP C với anh Vũ Đình H, chị Trần Thị L thì anh H, chị L còn nợ Ngân hàng số tiền nợ gốc là 700.000.000đồng và nợ lãi là 85.079.054đồng.

- Theo Hợp đồng cho vay số 20.35.0346/2020-HĐCV/NHCT262 ngày 25/6/2020 giữa Ngân hàng TMCP C với anh Vũ Đình H, chị Trần Thị L thì anh H, chị L còn nợ Ngân hàng số tiền nợ gốc là 1.150.000.000đồng và nợ lãi là 139.849.452đồng.

2.3. Các đương sự cùng thỏa thuận anh Vũ Đình H và chị Trần Thị L sẽ trả nợ cho Ngân hàng TMCP C toàn bộ khoản nợ trên theo lịch trình như sau:

+ Từ tháng 9 năm 2023 đến hết tháng 12 năm 2023, mỗi tháng anh Vũ Đình H và chị Trần Thị L trả Ngân hàng 10.000.000đồng tiền gốc, ngày trả nợ là ngày 20 hàng tháng.

+ Quý 1 và quý 2 của năm 2024, mỗi quý anh Vũ Đình H và chị Trần Thị L trả Ngân hàng 50.000.000đồng tiền gốc, ngày trả nợ là ngày 20 của tháng cuối quý.

+ Quý 3, quý 4 của năm 2024 và quý 1, quý 2, quý 3 của năm 2025 mỗi quý anh Vũ Đình H và chị Trần Thị L trả Ngân hàng 100.000.000đồng tiền gốc, ngày trả nợ là ngày 20 của tháng cuối quý.

+ Quý 4 của năm 2025, anh Vũ Đình H và chị Trần Thị L trả Ngân hàng 1.810.000.000đồng tiền gốc còn lại; 297.893.436đồng tiền lãi (bao gồm cả lãi trong hạn và lãi quá hạn) của ba hợp đồng cho vay nêu trên tính đến hết ngày 29/8/2023 và toàn bộ tiền lãi phát sinh kể từ ngày 30/8/2023 trên số dư nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất ghi trên ba hợp đồng cho vay nêu trên (gồm: Hợp đồng cho vay số 18.35.0040/2018-HĐCV/NHCT262 ngày 10/4/2018, Hợp đồng cho vay số 19.35.0058/2019-HĐCV/NHCT262 ngày 06/5/2019, Hợp đồng cho vay số 20.35.0346/2020-HĐCV/NHCT262 ngày 25/6/2020, mức lãi suất đều là 13%/năm), ngày trả nợ là ngày 20 của tháng cuối quý.

Trường hợp, anh Vũ Đình H và chị Trần Thị L vi phạm bất kì một kỳ trả nợ nào của lịch trình nêu trên thì Ngân hàng có quyền đề nghị Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý, phát mại toàn bộ tài sản thế chấp là quyền sử dụng thửa đất số 17, tờ bản đồ số 7 tại thôn V, xã V, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc diện tích 371,9m^2 và toàn bộ tài sản trên đất (gồm một nhà 2,5 tầng kết cấu bê tông cốt thép, tường gạch, mái ngói, xây năm 2017, diện tích xây dựng khoảng 120m^2, diện tích sử dụng khoảng 300m^2; một nhà 02 tầng kết cấu bê tông cốt thép, tường gạch, mái tôn, xây năm 2018, diện tích xây dựng khoảng 80m^2, diện tích sử dụng khoảng 160m^2; sân gạch, nhà bếp, công trình phụ, tường bao loan, trụ cổng, cổng sắt và các tài sản khác hình thành trong tương lai trên thửa đất), thửa đất đã được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Vĩnh Phúc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS00691 ngày 16/11/2015 đứng tên Hộ ông Vũ Đình H1 để thu hồi toàn bộ các khoản nợ của anh H, chị L tại Ngân hàng. (Có sơ đồ cụ thể kèm theo). Trường hợp, sau khi xử lý tài sản thế chấp không đủ để thanh toán toàn bộ khoản nợ thì anh Vũ Đình H và chị Trần Thị L tiếp tục phải trả khoản nợ còn thiếu cho Ngân hàng TMCP C cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ theo Hợp đồng cho vay số 18.35.0040/2018-HĐCV/NHCT262 ngày 10/4/2018, Hợp đồng cho vay số 19.35.0058/2019-HĐCV/NHCT262 ngày 06/5/2019 và Hợp đồng cho vay số 20.35.0346/2020-HĐCV/NHCT262 ngày 25/6/2020.

2.4. Về chi phí tố tụng, án phí:

Về chi phí tố tụng: Nguyên đơn tự nguyện chịu toàn bộ chi phí tố tụng là 10.500.000đồng (chi phí đo đạc, xem xét, thẩm định tại chỗ), các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Anh Vũ Đình H và chị Trần Thị L chịu 86.957.868đồng (làm tròn thành 86.957.800đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm. Ngân hàng TMCP C không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả Ngân hàng TMCP C số tiền tạm ứng án

phí đã nộp là 41.800.000đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0003358 ngày 27 tháng 3 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tam Dương.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Tam Dương;
- Chi cục THADS huyện Tam Dương;
- Các đương sự;
- Lưu Hồ sơ, Văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(ĐÃ KÝ)

Lê Minh Hoàng